

CHUẨN NGHIỆP VỤ TRONG XỬ LÝ TÀI LIỆU TẠI CÁC THƯ VIỆN Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS Vũ Dương Thúy Nga

Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Cung cấp các số liệu điều tra việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu tại 600 thư viện Việt Nam. Đánh giá thực trạng việc triển khai công việc này. Đề xuất bốn giải pháp nhằm tăng cường chuẩn hóa trong xử lý tài liệu tại các thư viện.

Đặt vấn đề:

Trên thế giới, việc xây dựng và áp dụng các chuẩn trong hoạt động thư viện đã được nhiều nước, đặc biệt là các nước phát triển quan tâm. Trong một thời gian dài, chuẩn trong hoạt động thư viện gắn liền với các chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu như: các quy tắc biên mục, bảng phân loại, bảng đề mục chủ đề, thesaurus, bộ từ khóa quy ước,... vốn được coi là các công cụ tổ chức thông tin, tổ chức tri thức. Chính nhờ các chuẩn đó, thư viện có thể tổ chức các phương tiện tra cứu giúp truy cập, tra cứu và sử dụng thông tin được dễ dàng. Trong xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, chuẩn hóa lại càng có ý nghĩa quan trọng. Nhằm tìm ra các giải pháp để tăng cường chuẩn hóa trong xử lý tài liệu tại các thư viện Việt Nam, chúng tôi đã thực hiện một cuộc điều tra, nghiên cứu đánh giá thực trạng việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu tại 600 thư viện khác nhau, trong

đó: 45 thư viện tỉnh thành phố, 120 thư viện đại học, 400 thư viện trường học và 35 thư viện đa ngành và thư viện các viện nghiên cứu. Đối tượng điều tra là những người làm công tác xử lý tài liệu tại các thư viện. Một phần kết quả của cuộc điều tra, được phản ánh trong bài viết này, được chia thành hai phần:

- Thực trạng việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu tại Việt Nam.

- Giải pháp tăng cường chuẩn hóa trong xử lý tài liệu tại các thư viện Việt Nam.

1. Thực trạng việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu tại Việt Nam

Xử lý tài liệu được xem như công đoạn gắn liền với tổ chức thông tin, tổ chức tri thức và gồm nhiều công việc khác nhau như: biên mục mô tả, phân loại, định chủ đề, định từ khóa, tóm tắt, chú giải. Nhờ xử lý tài liệu, các thư viện và cơ quan thông tin có thể

Nghiên cứu - Trao đổi

tạo ra công cụ tra cứu, biên soạn ấn phẩm thông tin, tạo ra điểm truy cập giúp cho việc tra tìm và khai thác thông tin, tài liệu được dễ dàng. Bởi vậy, xử lý tài liệu được các thư viện và cơ quan thông tin ở Việt Nam rất

quan tâm. Tuy nhiên, do điều kiện thực tế của mỗi thư viện khác nhau nên việc áp dụng các khâu xử lý cũng không giống nhau. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả cuộc điều tra trong Bảng 1.

Bảng 1: *Hình thức xử lý tài liệu tại các thư viện Việt Nam*

Hình thức xử lý tài liệu	TV công cộng		TV đại học		TV trường học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
<i>Biên mục mô tả</i>	45	100	117	97	367	92	35	100	564	94
<i>Phân loại</i>	45	100	110	92	367	92	8	23	530	88
<i>Định chủ đề</i>	12	27	34	28	0	-	28	80	74	12
<i>Định từ khóa</i>	44	98	62	52	0	-	28	80	134	22
<i>Tóm tắt</i>	34	75	43	36	0	-	30	86	107	18
<i>Chú giải</i>	7	15	9	7	0	-	0	-	16	3
<i>Hình thức khác</i>	5	11	2	2	33	8	1	3	41	7

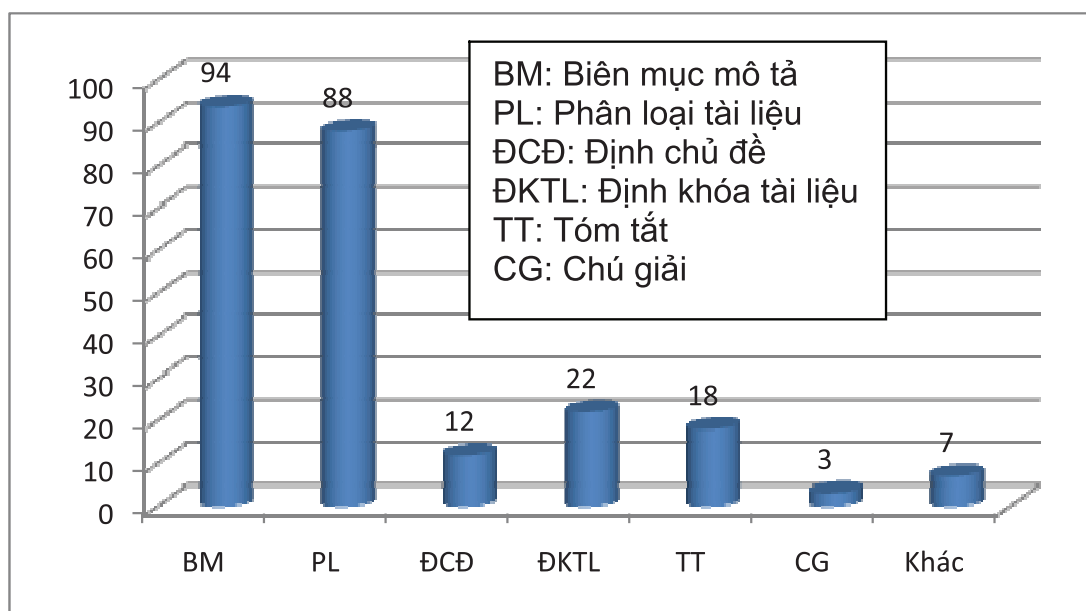
Bảng 1 cho thấy: biên mục mô tả và phân loại là hai khâu xử lý được áp dụng rộng rãi nhất trong tất cả các loại hình thư viện, đặc biệt tại thư viện trường học, gần như chỉ hai hình thức xử lý này được thực hiện. Định từ khóa được áp dụng chủ yếu tại các thư viện công cộng (chiếm 98%) và các thư viện đa ngành, thư viện viện nghiên cứu (80%), tại thư viện đại học (chỉ chiếm 52%). Việc tóm tắt tài liệu cũng

tương tự như vậy với tỷ lệ thấp hơn. Hình thức chú giải tài liệu gần như không được quan tâm (chỉ chiếm 7%). Hình thức khác được áp dụng là tổng quan tài liệu trong các thư viện công cộng, thư viện đại học, thư viện đa ngành/thư viện viện nghiên cứu và phân theo môn học và mục đích sử dụng tại các thư viện trường học.

Các hình thức xử lý tài liệu ở Việt Nam được thể hiện trên Đồ thị 1.

Nghiên cứu - Trao đổi

Đồ thị 1: Hình thức xử lý tài liệu (%) tại các thư viện Việt Nam



Thực trạng việc áp dụng quy tắc biên mục trong biên mục mô tả được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2: Quy tắc biên mục được áp dụng để biên mục mô tả tài liệu tại các thư viện Việt Nam

Quy tắc biên mục	TV công cộng		TV đại học		TV trường học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
<i>ISBD</i>	29	65	77	64	364	91	33	94	503	84
<i>AACR2</i>	14	9	33	27	3	1	2	6	52	9
<i>QT TVQG</i>	10	22	9	7	0	-	0	-	19	3
<i>TCVN 4743</i>	0	-	0	-	0	-	0	-	0	-

Nghiên cứu - Trao đổi

Kết quả điều tra cho thấy, *Quy tắc Mô tả Thư mục* theo Tiêu chuẩn quốc tế ISBD được áp dụng rộng rãi nhất (84%), kế đó là *Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2*. Một số ít (3%) áp dụng biên mục theo tài liệu hướng dẫn của Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Khác với việc sử dụng các quy tắc biên mục, việc áp dụng các bảng phân loại trong phân loại tài liệu được thực hiện đa dạng hơn. Chín bảng phân loại được đồng thời sử dụng tại các thư viện.

Trong đó, Bảng phân loại thập phân Dewey (DDC) rút gọn ấn bản 14 được áp dụng rộng rãi tại các thư viện công cộng, Bảng phân loại thư viện trường học - trong các thư viện trường học. Các thư viện đại học sử dụng nhiều dạng bảng phân loại khác nhau, nhưng tập trung vào Bảng phân loại 19 lớp, Bảng DDC đầy đủ và Bảng DDC rút gọn. Thực trạng sử dụng bảng phân loại tại các thư viện ở Việt Nam được thể hiện trong Bảng 3 và Đồ thị 2.

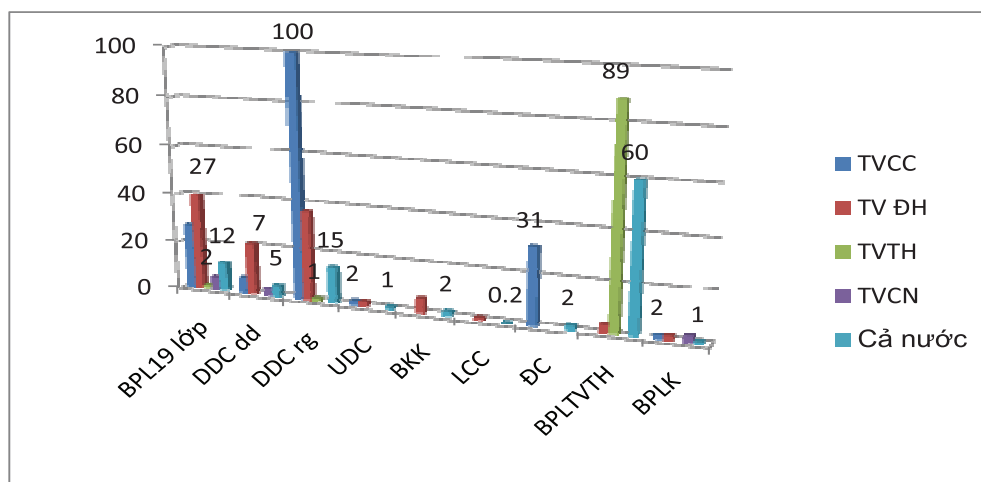
Bảng 3: Các bảng phân loại được áp dụng tại các thư viện Việt Nam

Bảng phân loại	TV công cộng		TV đại học		TV trường học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
<i>BPL 19 lớp</i>	12	27	48	40	8	2	2	6	70	12
<i>DDC đầy đủ</i>	3	7	25	21	0	-	1	3	29	5
<i>DDC rút gọn 14</i>	45	100	44	37	4	1	0	-	93	15
<i>UDC</i>	1	2	2	2	0	-	0	-	3	1
<i>BBK</i>	0	-	7	6	0	-	5		12	2
<i>BPL TV Quốc hội</i>	0	-	1	1	0	-	0	-	1	0.2
<i>BPL địa chí</i>	14	31	0	-	0	-	0	-	14	2
<i>BPL TV trường học</i>	0	-	5	4	355	89	0	-	360	60
<i>BPL khác</i>	1	2	2	2	0	-	1	3	4	1

Ghi chú: Một số thư viện, đặc biệt các thư viện đại học, đồng thời sử dụng Bảng phân loại DDC dạng đầy đủ và rút gọn.

Nghiên cứu - Trao đổi

Đồ thị 2: Các bảng phân loại được áp dụng tại các thư viện Việt Nam



Ghi chú;

BPL19 lớp: BPL 19 lớp - DDC dd: DDC đầy đủ - DDC rg: DDC rút gọn 14 - LCC: BPL TV Quốc hội - ĐC: BPL địa chỉ - BPL tvth: BPL TV trường học - BPL k: BPL khác.

TVCC: Thư viện công cộng - TVĐH: Thư viện đại học - TVTH: Thư viện trường học - TVĐN: Thư viện đa ngành/chuyên ngành khác

Việc định chủ đề tại các thư viện được thực hiện theo hai phương thức: định chủ đề có kiểm soát và định chủ đề tự do. Bảng *Đề mục chủ đề* của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ đã được áp dụng tại một số ít các thư viện ở Việt Nam. Tại

một số thư viện các viện nghiên cứu, bảng *Đề mục chủ đề* do thư viện tự biên soạn, quy ước đã được áp dụng. Định chủ đề tự do vẫn đang được thực hiện tại nhiều thư viện. Kết quả điều tra về việc định chủ đề được thể hiện trong Bảng 5.

Bảng 5: Công cụ và phương thức định chủ đề được áp dụng tại các thư viện Việt Nam

Công cụ /phương thức ĐCĐTL	TV công cộng		TV đại học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
<i>LCSH</i>	2	4	3	2	1	3	6	1
<i>Bảng ĐMCD khác</i>	0	-	0		20	57	20	3
<i>ĐCĐ tự do</i>	10	22	31	26	7	20	48	8

Nghiên cứu - Trao đổi

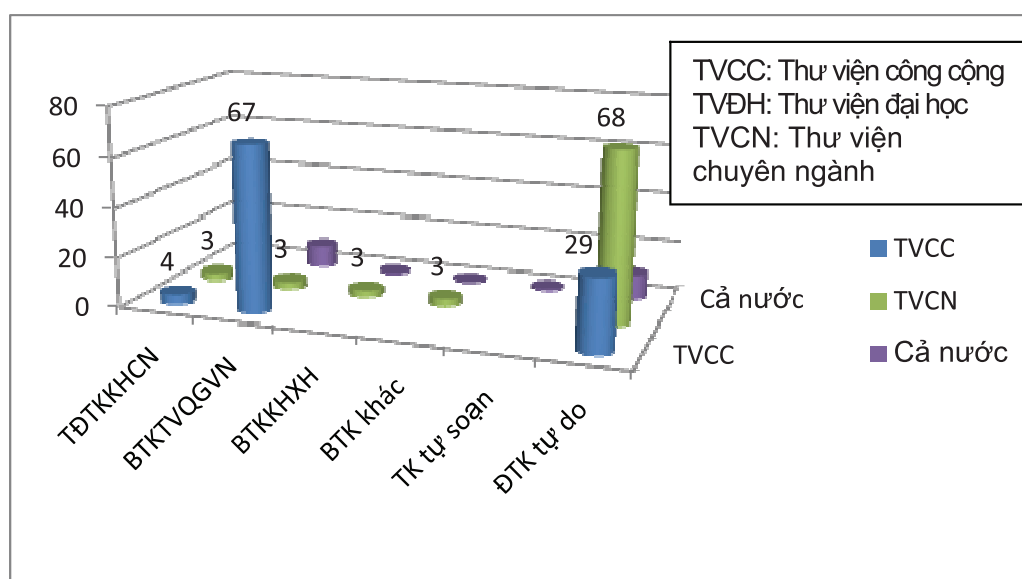
Việc định từ khóa cũng được tiến hành theo hai phương thức: có kiểm soát và tự do. Hai bộ từ khóa được áp dụng phổ biến là Bộ từ khóa của

Thư viện Quốc gia Việt Nam và Từ điển Từ khóa Khoa học Công nghệ. Kết quả được trình bày trong Bảng 6 và Đồ thị 3.

Bảng 6: Công cụ và phương thức định từ khóa tài liệu được áp dụng tại các thư viện Việt Nam

Công cụ /phương thức ĐTKTL	TV công cộng		TV đại học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
TĐ TKKHCHN	2	4	12	10	1	3	15	2
BTK TVQGVN	30	67	22	18	1	3	53	9
BTK KHXH	0	-	2	2	1	3	3	0.5
BTK Khác	0	-	0	-	1	3	1	0.2
BTK tự soạn	0	-	5	4	0	-	5	0.8
ĐTK tự do	13	29	21	17	24	68	58	10

Đồ thị 3: Công cụ và phương thức định từ khóa tài liệu được áp dụng tại các thư viện Việt Nam



Nghiên cứu - Trao đổi

Việc tóm tắt tài liệu nhìn chung được các thư viện thực hiện một cách tùy tiện. Mặc dù đã có TCVN 4524 ***Tư liệu – bài tóm tắt cho xuất bản phẩm và tư liệu*** ban hành năm 1988 và sửa đổi năm 2009, nhưng vẫn chưa được các thư viện quan tâm áp dụng. Một số

thư viện tỉnh, thư viện đại học và thư viện viện nghiên cứu đã tự đặt ra những quy định riêng cho mình. Tuy nhiên, việc tóm tắt chủ yếu vẫn phụ thuộc vào quan niệm và trình độ của người làm tóm tắt tài liệu. Kết quả được thể hiện trong Bảng 7.

Bảng 7: *Phương pháp tóm tắt/chú giải tài liệu được áp dụng tại các thư viện Việt Nam*

Phương pháp tóm tắt /chú giải	TV công cộng		TV đại học		TV chuyên ngành khác		Cả nước	
	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)	Số mẫu (n)	Tỷ lệ trong nhóm (%)
<i>Theo TCVN 4524</i>	0	-	0	-	0	-	0	-
<i>QĐ riêng</i>	15	33	43	36	28	80	86	14
<i>Chưa có quy định cụ thể</i>	30	67	77	64	7	20	432	86

2. Giải pháp tăng cường chuẩn hóa trong xử lý tài liệu cho các thư viện tại Việt Nam

Thứ nhất: Các cơ quan quản lý ngành và cơ quan chức năng cần quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy và các tiêu chuẩn về xử lý tài liệu.

Trong số các giải pháp, giải pháp này giữ vai trò quan trọng, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ khi thực thi việc chuẩn hóa. Thực tế cho thấy: sau khi Công văn số 1597/ BVHTT “***Về việc áp dụng chuẩn nghiệp vụ trong các thư viện Việt Nam***” ngày 7/5/2007

của Bộ Văn hoá - Thông tin được ban hành, hầu hết các thư viện công cộng và nhiều thư viện đại học đã chuyển sang sử dụng Khung phân loại Thập phân Dewey rút gọn ấn bản 14, các thư viện áp dụng tự động hóa trong công tác biên mục hầu hết đã triển khai khổ mẫu biên mục đọc máy MARC21. Tính định hướng của các văn bản quy phạm pháp luật rất cao.

Thứ hai: Các thư viện lớn và cơ quan chức năng cần xây dựng và hoàn thiện các công cụ xử lý tài liệu.

Đây là một trong những yếu tố giữ vai trò quyết định của việc chuẩn hóa.

Các kết quả xử lý tài liệu sẽ không chuẩn nếu thiếu các công cụ chuẩn. Ngoài các quy tắc biên mục và bảng phân loại, cần chú trọng hơn đến việc xây dựng các bộ từ khoá và bảng đề mục chủ đề có khả năng sử dụng chung và các công cụ dành cho một số chuyên ngành.

Các bộ từ khoá và từ điển từ khoá để định từ khoá tài liệu cần được tích hợp và kèm theo các quy định về chính tả và cách diễn tả thuật ngữ thống nhất nhằm tiến tới xây dựng các từ điển từ mô tả (thesaurus) thống nhất trong tương lai. Thesaurus phải tuân thủ chặt chẽ các ISO về biên soạn Thesaurus đơn ngôn ngữ và đa ngôn ngữ.

Các bảng đề mục chủ đề cũng cần được sớm biên soạn, tránh tình trạng định chủ đề tự do như hiện nay, không chỉ đơn thuần dựa trên cơ sở dịch tài liệu nước ngoài.

Thứ ba: Tăng cường việc xây dựng thêm các Tiêu chuẩn Việt Nam và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về xử lý tài liệu.

Thực tế cho thấy, các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) hiện hành về xử lý tài liệu còn thiếu và nhiều khiếm khuyết. Để các TCVN đáp ứng được các yêu cầu của thực tế, Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn Việt Nam TC 46 về thông tin và tư liệu cần thường xuyên soát xét, chỉnh sửa các tiêu chuẩn hiện hành và xây dựng thêm các tiêu chuẩn mới về xử lý tài liệu. Có thể mạnh dạn áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế dựa vào một số biện pháp cụ thể sau: nghiên

cứu và lựa chọn các tiêu chuẩn quốc tế về hoạt động thư viện-thông tin phù hợp với Việt Nam; xây dựng các TCVN trên cơ sở dịch nguyên văn hoặc dịch và hiệu chỉnh các tiêu chuẩn này cho thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh nước ta; phổ biến các tiêu chuẩn này trong các thư viện và cơ quan thông tin.

Thứ tư: Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nghiệp vụ có trình độ và tay nghề cao.

Để triển khai kịp thời và hiệu quả các tiêu chuẩn đã ban hành cần có cán bộ chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, cũng cần đề ra các chính sách nhằm khuyến khích, động viên các cán bộ áp dụng các chuẩn nghiệp vụ trong xử lý tài liệu.

Kết luận

Chuẩn hoá, trong hoạt động thư viện nói chung và trong xử lý tài liệu nói riêng, có ý nghĩa chiến lược giúp cho sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển ổn định và bền vững, hội nhập với khu vực và quốc tế. Đó là một trong những yếu tố nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác thư viện, giúp cho việc tra cứu tài liệu và thông tin được dễ dàng, thuận lợi. Vì thế, ngành thư viện và các có quan có chức năng cần quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng và hoàn thiện các chuẩn nghiệp vụ, đồng thời triển khai áp dụng các chuẩn đó trong thực tiễn công tác xử lý tài liệu một cách đồng bộ và toàn diện.